

Số : 190/KH-THTĐ

Tân Đồng, ngày 19 tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN ĐỒNG NĂM HỌC 2022 – 2023

Chủ đề năm học: Đoàn kết, nỗ lực vượt khó khăn, đổi mới sáng tạo, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục"

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 29 -NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Công văn 3535/BGDĐT ngày 19/8/2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm trong chương trình GDPT 2018;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2604/SGDĐT-GDTHMN ngày 05/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2022-2023;

Thực hiện Công văn số 752/PGDĐT-TH ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Phòng GD&ĐT thành phố Đồng Xoài về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 cấp tiểu học;

Trường tiểu học Tân Đồng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2022 - 2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

Phường Tân Đồng nằm ở phía Đông Bắc thành phố Đồng Xoài, được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 theo Nghị định 90/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ. Phía Đông giáp suối Rạc (xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú); Phía Tây giáp đường Phú Riềng Đỏ; Phía Nam giáp Quốc lộ 14; Phía Bắc giáp xã Thuận phú, huyện Đồng Phú. Dân số 3.069 hộ với 11.200 khẩu/ 05 khu dân cư; Dân tộc thiểu số: có 07 DTTS với 73 hộ = 197 khẩu. Tình hình an ninh, chính trị đảm bảo ổn định, quốc phòng được giữ vững công tác quản lý nhà nước và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng được nâng lên, thực hiện tốt mục tiêu kép vừa chống dịch hiệu quả vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với giáo dục cơ sở vật chất đã được cải thiện khá nhiều với 100% số phòng học là phòng cấp 4 trở lên. Sự nghiệp giáo dục địa phương đã có những bước phát triển và đạt được một số kết quả khá khả quan: Số giáo viên đảm bảo chất lượng, 100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, chất lượng học sinh ngày càng đi lên. Tỷ lệ đạt chuẩn về phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS ngày càng nâng cao. Số người mù chữ 15-35 tuổi ngày càng giảm, công tác chống tái mù chữ được đẩy mạnh. Bên cạnh đó công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước đã được Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường rất quan tâm chỉ đạo ngành giáo dục phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể của phường thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường.

Trường nằm ở trung tâm phường Tân Đồng với địa thế, cảnh quan, khuôn viên đẹp, được xây dựng khang trang rộng rãi, vệ sinh môi trường sạch sẽ. Nhà trường luôn đón nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành, các bậc CMHS. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho việc dạy và học đạt kết quả cao. Địa điểm trường đặt tại khu phố 3 phường Tân Đồng, phía Đông giáp đường Nguyễn Khuyến, phía Tây giáp đường Ông Ích Khiêm, phía Nam giáp đường Huỳnh Khương Ninh và phía Bắc giáp đường Nguyễn Trường Tộ. Nhìn chung, địa điểm xây dựng trường đảm bảo môi trường giáo dục, an toàn cho người học, người dạy và người lao động.

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo các cấp và Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ nhiệt tình của các ban ngành, đoàn thể, các cơ quan đóng trên địa bàn phường, các tổ chức xã hội và các đơn vị kết nghĩa giúp cho Nhà trường có điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm trong công việc, yêu nghề, ý thức tổ chức kỷ luật cao, có ý thức học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

- Kinh tế xã hội ở địa phương phát triển ổn định, đời sống người dân được nâng cao hơn trước, phần lớn cha mẹ học sinh đều quan tâm đến việc học tập của con cái, luôn hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Trong năm học này, biên chế giáo viên dạy lớp thiếu, sĩ số học sinh khá đông nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng chung. Một số giáo viên đã lớn tuổi nên việc tiếp cận với phương pháp dạy học mới còn khó khăn, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Năm học 2022 - 2023, trường tiểu học Tân Đồng có tổng số lớp: 33 lớp/1302 học sinh/623 nữ, 50 dân tộc/24 nữ dân tộc, bình quân 39.24 học sinh/1 lớp. Trong đó:

- Lớp học 2 buổi: 33 lớp/1302 học sinh/623 nữ, 50 dân tộc/24 nữ dân tộc. So với cuối năm học 2021-2022: tăng 1 lớp/67 học sinh/48 nữ; So với kế hoạch năm học 2022-2023 đã duyệt vào tháng 3: số lớp giảm 01 lớp, số học sinh tăng 19 học sinh.

- Lớp học bán trú: 33 lớp/1235 học sinh/ 595 nữ, dân tộc: 46/25 nữ dân tộc. So với kế hoạch năm học 2022-2023 đã duyệt vào tháng 3: số lớp giảm 01 lớp, số học sinh giảm 44 học sinh. (*kèm theo biểu mẫu 1*)

- Huy động học sinh 6 tuổi trên địa bàn vào học lớp 1 đạt tỷ lệ 100% . Cụ thể:

+ Tổng số học sinh 6 tuổi theo kế hoạch giao là 242 trong đó: Số trên địa bàn đã đi nơi khác: 63. Số chuyển đến và điều tra sót: 45. Tổng là 224

+ Học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn: 202/224 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đạt tỉ lệ 90.2% (1)

+ Học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn khác: 22/224 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, tỉ lệ 9.8% (2)

+ Tổng số học sinh 6 tuổi trên địa bàn học lớp 1 tại địa bàn và địa bàn khác: (1) + (2) 224/224 trẻ 6 tuổi trên địa bàn, đạt tỉ lệ: 100 %.

+ Tổng số học sinh 6 tuổi địa bàn khác học trên địa bàn: 44 HS.

+ Số học sinh bỏ học được huy động ra lớp trở lại: không có

+ Dự báo số học sinh bỏ học: Không có.

(kèm theo biểu mẫu 2)

*** Điểm mạnh:**

Nhà trường luôn quan tâm làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp, duy trì sĩ số học sinh, thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu cấp.

Học sinh đa số chăm ngoan, tích cực thực hiện tốt các quy định, nội quy của nhà trường, có ý thức bảo vệ của công, chủ động tham gia các hoạt động của trường, liên đội.

*** Điểm yếu**

- Dân số cơ học tăng nhanh, dân nhập cư từ các tỉnh thành khác về đông làm khó khăn về trường lớp. Sĩ số học sinh trên lớp khá đông nên chỗ ngồi chật, việc thực hiện giảng dạy theo hướng đổi mới gặp nhiều khó khăn.

- Do dịch bệnh kéo dài, đa số học sinh không được học trực tiếp chương trình lớp lá nên có nhiều em vào học lớp 1 mà chưa biết cầm bút, chưa hề biết chữ cái và các kỹ năng cơ bản khác, một số học sinh khả năng nhận thức hạn chế, tự ti, khó nhớ mau quên, khả năng hợp tác với GV rất hạn chế làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý nhà trường

Tổng số CB-GV-NV: 49/46 nữ. Trong đó: BGH: 3/3 nữ; Giáo viên đứng lớp: 38/37 nữ; Giáo viên chuyên trách: 02/1 nữ (PCGD: 1 và TPT: 1) Nhân viên: 6/4 nữ.

Về trình độ chuyên môn: ĐH: 40; CĐ: 3; TC: 3 (GV: 02; VT: 01;) Trình độ Tin học: ĐH:1; Chứng chỉ A: 17; Chứng chỉ B: 27; Trình độ ngoại ngữ (Anh văn): Chứng chỉ A: 12; Chứng chỉ B: 30; B2:1; Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp: 05; sơ cấp: 03 và tương đương: 30. Số lượng đảng viên là 26 đ/c (25 chính thức và 01 dự bị) đạt tỷ lệ 53%.

Đang học Đại học: 2 người / 2 nữ

Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 31 người/30 nữ, tỉ lệ: 78.9%, cấp thành phố: 16. người/ 15 nữ, tỉ lệ: 42.1%. (*kèm theo biểu mẫu 3,4,5*)

*** Điểm mạnh**

- CB-GV-NV luôn có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, yên tâm trong công tác. Quán triệt và triển khai đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của nhà trường đến mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên. Triển khai, thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội; thực hiện tốt phòng chống dịch bệnh covid -19.

- Tổ chức học tập và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không” của Bộ Giáo dục & Đào tạo với 4 nội dung: “nói không với tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp khắc phục bệnh thành tích”. Đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và ý thức tổ chức kỷ luật. Phòng chống suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường. Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật, phương pháp giáo dục tích cực; Thực hiện đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục. Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ.

*** Điểm yếu**

Một số giáo viên đã lớn tuổi nên việc tiếp cận với phương pháp dạy học mới còn khó khăn, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm.

2.3. Về cơ sở vật chất.

Tổng số phòng học: 34 phòng. Trong đó có: 34 phòng kiên cố, 33 phòng học cho lớp 2 buổi/ngày. Cần bổ sung: 2 phòng học và 01 văn phòng.

Số bàn ghế 2 chỗ ngồi theo quy định: 550 bộ, hư hỏng nhiều. Cần bổ sung: 100 bộ.

Số bảng chống loá: 33 bảng/33 phòng. Cần bổ sung thay thế 7 cái

Số ti vi: 24 cái/24 phòng. Cần bổ sung: 9 ti vi

Khôì phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học (Theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT) đã có: 7; Còn thiếu: 05.

- Khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác: đầy đủ theo yêu cầu, phục vụ hiệu quả cho học sinh và cán bộ, GV, NV của nhà trường.

Sách, báo và tài liệu tham khảo đã có đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung một số sách tham khảo mới phục vụ cho việc dạy và học.

Các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đã có đầy đủ theo quy định. Cần bổ sung một số thiết bị mới phục vụ cho việc dạy và học.

Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học được giáo viên quan tâm thực hiện thường xuyên trong các tiết học. (*kèm theo biểu mẫu 6,7*)

* Điểm mạnh

Năm học này được sự quan tâm của quý cấp lãnh đạo trường đã được đầu tư xây dựng mới hàng rào xung quanh trường, tu sửa nâng cấp 20 phòng học và dãy nhà hiệu bộ nên trường lớp rất khang trang, sạch sẽ.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng hiệu quả các phòng học văn hoá, phòng bộ môn, nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà bếp và công trình nước sạch, các thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có.

* Điểm yếu

Phòng học thiếu 03 phòng nên nhà trường phải sử dụng phòng học bộ môn để dạy học văn hóa. Bàn ghế học sinh hư hỏng nhiều, thiết bị máy móc phòng tin học dùng cho học sinh hư hỏng nặng, đa số đã hết hạn sử dụng.

Khu nhà vệ sinh ở dãy A và B của học sinh đã xuống cấp, sân trường chưa đủ mát, nền sân đã xuống cấp, nhiều chỗ bong tróc.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2022 - 2023

1. Mục tiêu chung

1. Tổ chức triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 bảo đảm an toàn trường học; chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

2. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT

(Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) đối với lớp 4, lớp 5.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; thực hiện xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có đủ giáo viên, bảo đảm chất lượng dạy học các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4. Chú trọng thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

- *Phẩm chất và năng lực:*

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường, bảo vệ của công và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

Chỉ tiêu mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực khối 1,2 và 3:

Mức độ hình thành và phát triển		Khối	TSH S	Học sinh toàn trường							
				TSHS ĐG chung	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		TSHSKT ĐG riêng
					TS	%	TS	%	TS	%	
Phẩm chất	Yêu nước	1	259	256	217	83.8	39	15.1	0	0.0	3
		2	268	266	256	95.5	10	3.7	0	0.0	2
		3	257	251	251	97.7	0	0.0	0	0.0	6
		Cộng	784	773	724	92.3	49	6.3	0	0.0	11
	Nhân ái	1	259	256	217	83.8	38	14.7	1	0.4	3
		2	268	266	243	90.7	23	8.6	0	0.0	2
		3	257	251	246	95.7	5	1.9	0	0.0	6
		Cộng	784	773	706	90.1	66	8.4	1	0.1	11
	Chăm chỉ	1	259	256	183	70.7	61	23.6	12	4.6	3
		2	268	266	194	72.4	72	26.9	0	0.0	2
		3	257	251	196	76.3	55	21.4	0	0.0	6
		Cộng	784	773	573	73.1	188	24.0	12	1.5	11
	Trung thực	1	259	256	202	78.0	54	20.8	0	0.0	3
		2	268	266	228	85.1	38	14.2	0	0.0	2
		3	257	251	197	76.7	54	21.0	0	0.0	6
		Cộng	784	773	627	80.0	146	18.6	0	0.0	11

		Trách nhiệm	1	259	256	182	70.3	62	23.9	12	4.6	3		
			2	268	266	192	71.6	74	27.6	0	0.0	2		
			3	257	251	193	75.1	58	22.6	0	0.0	6		
			Cộng	784	773	567	72.3	194	24.7	12	1.5	11		
Năng lực		Năng lực chung		Tự chủ và tự học	1	259	256	183	70.7	61	23.6	12	4.6	3
					2	268	266	189	70.5	77	28.7	0	0.0	2
					3	257	251	190	73.9	61	23.7	0	0.0	6
					Cộng	784	773	562	71.7	199	25.4	12	1.5	11
				Giao tiếp và hợp tác	1	259	256	187	72.2	57	22.0	12	4.6	3
					2	268	266	195	72.8	71	26.5	0	0.0	2
					3	257	251	196	76.3	55	21.4	0	0.0	6
					Cộng	784	773	578	73.7	183	23.3	12	1.5	11
				GQ VĐ và sáng tạo	1	259	256	177	68.3	68	26.3	11	4.2	3
					2	268	266	175	65.3	91	34.0	0	0.0	2
					3	257	251	189	73.5	62	24.1	0	0.0	6
					Cộng	784	773	541	69.0	221	28.2	11	1.4	11
		Năng lực đặc thù		Ngôn ngữ	1	259	256	182	70.3	64	24.7	10	3.9	3
					2	268	266	208	77.6	58	21.6	0	0.0	2
					3	257	251	210	81.7	41	16.0	0	0.0	6
					Cộng	784	773	600	76.5	163	20.8	10	1.3	11
				Tính toán	1	259	256	181	69.9	63	24.3	12	4.6	3
					2	268	266	186	69.4	80	29.9	0	0.0	2
					3	257	251	188	73.2	63	24.5	0	0.0	6
					Cộng	784	773	555	70.8	206	26.3	12	1.5	11
Khoa học	1			259	256	180	69.5	64	24.7	12	4.6	3		
	2			268	266	186	69.4	80	29.9	0	0.0	2		
	3			257	251	200	77.8	51	19.8	0	0.0	6		
	Cộng			784	773	566	72.2	195	24.9	12	1.5	11		
Thẩm mĩ	1			259	256	186	71.8	65	25.1	5	1.9	3		
	2			268	266	180	67.2	86	32.1	0	0.0	2		
	3			257	251	197	76.7	54	21.0	0	0.0	6		
	Cộng			784	773	563	71.8	205	26.1	5	0.6	11		
Thể chất	1	259	256	185	71.4	66	25.5	5	1.9	3				
	2	268	266	202	75.4	64	23.9	0	0.0	2				
	3	257	251	202	78.6	49	19.1	0	0.0	6				
	Cộng	784	773	589	75.1	179	22.8	5	0.6	11				

Chỉ tiêu mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực khối 4 và 5:

Mức độ hình thành và phát triển		Khối	TSH S	Học sinh toàn trường							
				TSHS ĐG chung	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		TSHSK T ĐG riêng
					TS	%	TS	%	TS	%	
Năng lực	Tự phục vụ, tự quản	4	231	229	158	68.4	71	30.7	0	0.0	2
		5	287	285	216	75.3	69	24.0	0	0.0	2
		Cộng	518	514	374	72.2	140	27.0	0	0.0	4
	Hợp tác	4	231	229	156	67.5	73	31.6	0	0.0	2
		5	287	285	210	73.2	75	26.1	0	0.0	2
		Cộng	518	514	366	70.7	148	28.6	0	0.0	4
	Trung thực	4	231	229	150	64.9	79	34.2	0	0.0	2
		5	287	285	220	76.7	65	22.6	0	0.0	2
		Cộng	518	514	370	71.4	144	27.8	0	0.0	4
Phẩm chất	Chăm học, chăm làm	4	231	229	151	65.4	78	33.8	0	0.0	2
		5	287	285	201	70.0	84	29.3	0	0.0	2
		Cộng	518	514	352	68.0	162	31.3	0	0.0	4
	Tự tin, trách nhiệm	4	231	229	146	63.2	83	35.9	0	0.0	2
		5	287	285	199	69.3	86	30.0	0	0.0	2
		Cộng	518	514	345	66.6	169	32.6	0	0.0	4
	Trung thực, kỷ luật	4	231	229	164	71.0	65	28.1	0	0.0	2
		5	287	285	242	84.3	43	15.0	0	0.0	2
		Cộng	518	514	406	78.4	108	20.8	0	0.0	4
	Đoàn kết, yêu thương	4	231	229	180	77.9	49	21.2	0	0.0	2
		5	287	285	257	89.5	28	9.8	0	0.0	2
		Cộng	518	514	437	84.4	77	14.9	0	0.0	4

- Chất lượng học tập: (kèm theo biểu mẫu 13)

+ 100% HS hoàn thành CTTH; 99.1% trở lên HS hoàn thành CTLH.

+ 100% học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp có văn hóa, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội.

- Học sinh khen thưởng: 60% - 65%, Cụ thể:

Khối lớp	TSHS	HS hoàn thành CT lớp học		HS Chưa hoàn thành		HS khen thưởng	
		TS	%	TS	%	TS	%
Một	259	247	95.4	12	4.6	171	66
Hai	268	268	100	0	0	171	63.8
Ba	257	257	100	0	0	164	63.8
Bốn	231	231	100	0	0	150	65
Năm	287	286	100	0	0	182	63.4
TC	1302	1290	99.07	5	0.93	838	64.3

- Các phong trào hội thi:

+ Cuộc thi hùng biện Tiếng Anh cấp thành phố: Cấp trường 15 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải Ba toàn đoàn.

+ Cuộc thi Đánh máy tính 10 ngón: Cấp trường 15 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải Ba toàn đoàn.

+ Hội thi robotis cấp thành phố: Tập trung tìm kiếm HS có năng khiếu, rèn luyện cho học sinh tham gia cấp thành phố 2 sản phẩm đạt giải.

+ Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên: Tổ chức cuộc thi cấp trường trao 15 giải, tham gia cấp thành phố 2 sản phẩm đạt giải và dự thi cấp tỉnh

+ Hội khoẻ phù đồng: Tổ chức HKPD cấp trường, trao giải tất cả các nội dung môn thi đấu, mỗi nội dung môn thi từ 3- 5 giải. Tham gia cấp thành phố đủ các nội dung theo kế hoạch, điều lệ, phần đầu đạt giải Ba toàn đoàn.

+ Kể chuyện theo sách: Cấp trường 25 giải cá nhân, tham gia cấp thành phố đủ các nội dung phần đầu đạt giải Ba toàn đoàn.

+ Hoàn thành tốt các phong trào thi đua khác trong năm.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

Chuẩn bị tốt các phương án đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh trên cơ sở hướng dẫn của ngành Y tế và ngành Giáo dục; nâng cao ý thức, trách nhiệm và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý trong trường học; duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý.

Nhà trường chủ động chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh để phòng trường hợp xảy ra dịch bệnh tại địa phương, nhà trường trên cơ sở đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm từ các năm học trước, thực hiện kiên trì mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 cần lưu ý việc củng cố, bổ sung những nội dung có liên quan ở lớp học dưới; những kiến thức, kỹ năng còn hạn chế do thực hiện tinh giảm nội dung dạy học, phải học trực tuyến, học trên truyền hình hoặc các hình thức học tập linh hoạt khác trong các năm học trước vì ảnh hưởng của dịch Covid-19.

b) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

**) Đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3*

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

- Đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp, giáo viên dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học 10 buổi/tuần với 32 tiết/tuần; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,... cho học sinh; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, ...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí.

**) Đối với lớp 4 và lớp 5*

Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2006, nhà trường định hướng giao quyền chủ động cho giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 4 và lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, cụ thể:

- Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh các vùng miền, địa phương, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung quá khó, chưa thực sự cấp thiết

đối với học sinh tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng học sinh; không cắt xén cơ học mà tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Tổ chức dạy học cho học sinh lớp 5 để học sinh được chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn tại Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH. Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng và tạo tâm thế cho học sinh lớp 5 sẵn sàng học lớp 6.

c) Tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

- Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3 từ năm học 2022-2023 bảo đảm các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, tổ chức dạy Tiếng Anh 2 tiết/tuần cho học sinh lớp 4, lớp 5; sử dụng sách giáo khoa, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT.

- Nhà trường thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học Tiếng Anh để học sinh lớp 4,5 được học Tiếng Anh vì nhà trường thiếu giáo viên dạy Tiếng Anh; dạy học Tiếng Anh qua các chủ đề Toán và Khoa học; dạy học một số tiết môn toán bằng Tiếng Anh; tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, các phương tiện truyền thông phù hợp khác và đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp để các lớp học sinh lớp 4, lớp 5 được học môn Tin học tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006, có những giải pháp tiếp cận Chương trình môn Tin học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 một cách linh hoạt, phù hợp.

d) Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Tích hợp, lồng ghép với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Khi xây dựng cần lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho học sinh khi thực hiện, cụ thể:

- Tổ chức thực hiện theo từng chủ đề/mạch kiến thức đã được thiết kế trong tài liệu giáo dục địa phương với hình thức linh hoạt, phù hợp với kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Chọn nội dung/mạch kiến thức phù hợp, thực hiện tích hợp, lồng ghép, bổ sung, thay thế trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và được thể hiện trong kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục.

- Chọn chủ đề, nội dung phù hợp để xây dựng các hoạt động giáo dục tập thể, kết hợp học tập trên lớp với hoạt động trải nghiệm, thực hành, tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, thực hiện dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện,... nhằm gắn lí luận với thực tiễn, tạo hứng thú học tập cho học sinh; nâng cao hiểu biết về thời sự, văn hóa, lịch sử, kinh tế xã hội, giúp học sinh phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn địa phương.

3. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (kèm Phụ lục 1.1)

4. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học:

4.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (kèm Phụ lục 1.2)

4.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính khóa trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (đính kèm Phụ lục 1.3)

5. Khung thời gian thực hiện chương trình, năm học 2022-2023

Thực hiện Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

- Ngày tựu trường: Lớp 2-5 ngày 29/8/2022; lớp 1 là ngày 22/8/2022

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022.

- Học kì I: bắt đầu từ ngày 05/09/2022 đến hết ngày 6/01/2023 (18 tuần thực học).

- Học kì II: bắt đầu từ ngày 09/01/2023 đến hết ngày 12/5/2023: 17 tuần thực học, 01 tuần nghỉ Tết Nguyên đán (từ 20/01/2023 đến hết 27/01/2023);

Từ 15/5/2023 đến 18/5/2023: dạy bù, hoàn thành hồ sơ sổ sách và chuẩn bị tổng kết năm học.

Kết thúc năm học: Ngày 19/5/2023.

Tại trường Tiểu học Tân Đồng thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 cụ thể như sau:

5.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (đính kèm Phụ lục 2)

5.2. Đối với khối lớp 2 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.3. Đối với khối lớp 3 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.4. Đối với khối lớp 4 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

5.5. Đối với khối lớp 5 (thực hiện tương tự như đối với khối lớp 1)

V. Giải pháp thực hiện:

1. Về cơ sở vật chất:

1.1. Chỉ tiêu:

- Bổ sung: 10 phòng học.
- Bổ sung bàn ghế 2 chỗ ngồi: 100 bộ.
- Bổ sung bảng chống loá: 07 bảng/ 7 Phòng lớp 1.
- Bổ sung khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học: 5 phòng.
- Thực hiện khu vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác.
- Bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo: Theo kế hoạch của bộ phận.
- Bổ sung các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu thực tế.

1.2. Giải pháp

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1,2 và 3; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và tham mưu để xây dựng CSVC lớp học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

2. Thực hiện công tác đội ngũ:

2.1. Chỉ tiêu phấn đấu:

- Tổng số CB-GV-NV: 49/46 nữ. Trong đó: BGH: 3/3 nữ; Giáo viên đứng lớp: 38/37 nữ; GV chuyên trách: 02; Nhân viên: 6/4 nữ.
- Năng lực của cán bộ quản lý: Đáp ứng theo yêu cầu công việc
- Trình độ đào tạo của giáo viên (Đạt chuẩn: 45 người/ 45nữ, tỉ lệ: 100%; -Đang học Đại học: 02 người / 02 nữ
- Nhà trường tạo điều kiện cho 02 GV tham gia học đại học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
- Đánh giá theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học (Loại xuất sắc 30 người/ 29 nữ, tỉ lệ: 70%; Loại khá: 13 người/ 15 nữ, tỉ lệ: 30%.
- Đánh giá viên chức: Chỉ tiêu: 70% Công chức viên chức được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 30% viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 31 người/30 nữ, tỉ lệ: 78.9%; Cấp thành phố: 16 người/15 nữ , tỉ lệ: 42.1%; Cấp tỉnh: 8 người/, tỉ lệ: 21.1%
- Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp thành phố: Tham gia và đạt giải 02 sản phẩm mô hình
- Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng thường xuyên (Xếp loại giỏi: 30 người/ 29 nữ, tỉ lệ: 70%; Loại khá: 13 người/ 12 nữ, tỉ lệ: 30%.
- Số SKKN đăng ký viết trong năm của BGH, GV: 29 sáng kiến, tỉ lệ: 59.2%.
- Số tiết dự giờ của BGH là 2 tiết/GV/năm. Tổng số tiết: 80 tiết
- Số tiết dự giờ của GV/năm: tối thiểu là 18 tiết (mỗi tháng từ 2 tiết trở lên)
- Số tiết thao giảng của giáo viên trong trường tối thiểu là 4 tiết /năm.
- Các chuyên đề, ngoại khóa mở trong năm: 4 chuyên đề

- Công tác dạy thêm, học thêm: Số giáo viên thực hiện nghiêm, tỷ lệ 100%;
- Số chuyên đề giới thiệu sách trong năm học: 8 lần.

2.2. Giải pháp

Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019; rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng giáo viên theo chuẩn về trình độ đào tạo; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để thực hiện bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

Rà soát cơ cấu đội ngũ giáo viên theo môn học, hoạt động giáo dục; xây dựng và thực hiện kế hoạch tham mưu tuyển dụng giáo viên bảo đảm số lượng và chất lượng, cân đối về cơ cấu giáo viên, nhân viên, đối với các môn nhà trường còn thiếu giáo viên như Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ.

Tổ chức tốt việc bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gắn với thực tiễn của địa phương.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn.

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho các giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị và xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm học. Thực hiện quy định của Bộ GDĐT về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán và giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên đại trà theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường.

Xây dựng kế hoạch phân công giáo viên dạy học lớp 1, lớp 2 và lớp 3 năm học 2022-2023, chọn cử 100% giáo viên dạy học lớp 1, lớp 2 và lớp 3 tham gia bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 3 nhằm thực hiện tốt việc giảng dạy cho năm học 2022-2023.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

4. Thực hiện các phong trào thi đua.

4.1. Chỉ tiêu chung :

- Trường Tập thể LĐXS đề nghị UBND tỉnh tặng bằng khen.
- Tổ được đề nghị khen: 2 tổ
- Tỷ lệ CB-GV-NV toàn trường đạt LĐTT: 80%
- Danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp: 6
- Đề nghị khen các cấp: 19
- Thư viện – Thiết bị: Xuất sắc
- Công tác PCGDTH: Duy trì và nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn mức 3
- Đoàn - Đội: Mạnh
- Công đoàn: Vững mạnh
- Chi bộ : Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Đơn vị: Đạt chuẩn văn hóa (Trường Sạch –xanh – sáng- đẹp- an toàn)

4.2. Giải pháp

Nhà trường tiếp tục đổi mới công tác quản lí, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, giáo dục học sinh, chú trọng bồi dưỡng chất lượng đội ngũ, thực hiện tốt các phong trào thi đua. Tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, thoải mái, trách nhiệm, kỷ luật trong tập thể đơn vị. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực cho các thành viên tích cực phấn đấu.

Nội dung của các cuộc vận động và phong trào thi đua của ngành luôn gắn chặt với việc triển khai từng nhiệm vụ trong năm học. Các phong trào được thực hiện sáng tạo, tùy theo điều kiện thực tế để có những cải tiến thích hợp. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, củng cố kết quả các cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên tự giác học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có ý thức quyết tâm làm theo, không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, năng lực, tạo uy tín để HS noi theo như: đảm bảo ngày giờ công, lên lớp đúng giờ, thực hiện đúng kế hoạch chương trình, không cắt tiết, bỏ giờ dạy các loại hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và không để HS ngồi nhầm lớp”. Tuyên truyền vận động Cán bộ - Giáo viên - Công nhân viên thực hiện chủ đề: Nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm.

5. Đẩy mạnh phối hợp với CMHS; Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục cụ thể là truyền thông và tiếp cận dần mô hình trường học thông minh, thực

hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Nhà trường luôn phối kết hợp chặt chẽ với Ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trong việc giáo dục học sinh, lấy ý kiến của phụ huynh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và xây dựng cảnh quan trường lớp từ các nguồn kinh phí vận động tài trợ. Vận động kịp thời các trường hợp khó khăn có nguy cơ bỏ học.

- Trên cơ sở kế hoạch thực hiện trường học thông minh thí điểm của ngành, nhà trường tăng cường công tác truyền thông về giáo dục, tổ chức các hình thức tuyên truyền, vận động trong cán bộ, giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh và nhân dân hiểu nhận thức rõ tầm quan trọng, tác dụng của mô hình “lớp học thông minh - trường học thông minh”, tổ chức tiếp cận, thực hiện từng bước căn cứ theo từng mức độ. Đặc biệt việc bồi dưỡng cho đội ngũ về kiến thức kỹ năng tin học và sử dụng thiết bị dạy học hiện đại; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học từ các nguồn ngân sách tiết kiệm được, nguồn xã hội hóa theo hình thức tự nguyện đóng góp và các nguồn hỗ trợ ủng hộ khác.

Năm học 2022 – 2023 nhà trường triển khai và tổ chức thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt, chú trọng tuyên truyền, phối hợp triển khai và hướng dẫn, hỗ trợ cho tất cả CMHS của các lớp thực hiện việc đóng góp các khoản bằng hình thức chuyển khoản không thu tiền mặt.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng.

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, đẩy mạnh việc thực hiện phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ cho các bộ phận, các tổ chuyên môn, xã hội hoá giáo dục; thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 36/2017/TT- BGDDT ngày 8/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Tiếp tục thực hiện việc giao quyền chủ động cho giáo viên trong việc “chủ động cụ thể hóa phân phối chương trình học tập của học sinh phù hợp với từng lớp học cụ thể, đảm bảo yêu cầu giáo dục học sinh tiểu học và yêu cầu nhiệm vụ quy định trong chương trình tiểu học” (Công văn 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13/2/2006).

- Thống nhất thực hiện việc kiểm tra hồ sơ sổ sách, kế hoạch bài dạy của giáo viên qua việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, quán triệt thực hiện Chỉ thị 138/CT-BGDĐT ngày 18 tháng 1 năm 2019 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường để giáo viên có nhiều thời gian tập trung vào nhiệm vụ đổi mới hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học; bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý, xây dựng và triển khai các phần mềm quản lý, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đạo đức nhà giáo và Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà

giáo; thực hiện đúng quy chế làm việc và văn hóa công sở, tạo điều kiện và tổ chức các khóa học cho GV lấy chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, trình độ Tin học, Ngoại ngữ để đủ tiêu chuẩn theo Thông tư Liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

- Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 32/2011/TT- BGDDĐT ngày 08/8/2011 và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học ban hành theo Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT.

2. Phó Hiệu trưởng

- Triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động trải nghiệm, các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, hỗ trợ học sinh còn hạn chế và các hoạt động khác trong kế hoạch giáo dục đã nêu.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục của tổ, hướng dẫn, triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục có hiệu quả.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của các tổ, giáo viên, các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt tất cả các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Tổ trưởng chuyên môn

Tham mưu cho chuyên môn xây dựng Kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục khối lớp của tổ chuyên môn.

Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác tự bồi dưỡng, bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên trong tổ.

Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn của tổ khối bám theo Quy chế chuyên môn đã xây dựng.

Kiểm tra, giám sát, tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá giáo viên trong tổ khối.

Thực hiện theo công văn số 1315/BGDĐT-GDTH, ngày 16/04/2020. Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/ lần;

Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học và tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo trường, cụm trường .Tăng cường hoạt động dự giờ thăm

lớp trong năm học 2022-2023; đảm bảo nề nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

Tổ trưởng chuyên môn ký duyệt kế hoạch dạy học 1 tuần một lần vào ngày thứ sáu trước 1 tuần thực dạy. GV bộ môn phải đăng ký bài dạy của tuần vào ngày thứ sáu trước 1 tuần thực dạy, kế hoạch ghi bài dạy không tẩy xóa, báo đúng, đủ, chính xác. Tổ trưởng chuyên môn kiểm tra kế hoạch dạy học của GV phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc việc phân tích giờ dạy khi dự giờ sau mỗi tiết học.

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

4. Tổng phụ trách đội

Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Lập kế hoạch, cụ thể hóa kế hoạch, nội dung hoạt động thực hiện tiết SHTT theo chủ điểm, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, SHDC, câu lạc bộ... trình chuyên môn phê duyệt.

Kết hợp với GVCN, giáo viên thư viện tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chuyên đề, các hoạt động rèn kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức các hoạt động thu hút bạn đọc đến với thư viện xanh.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác.

- Chịu trách nhiệm trước BGH về chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Phối hợp Tổng phụ trách Đội, phụ huynh tham gia các hoạt động Trải nghiệm.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới trong các hoạt động dạy và học, xây dựng kế hoạch bài học theo hướng tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh thông qua việc thiết kế tiến trình dạy học thành các hoạt động học để thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Phối kết hợp chặt chẽ với PHHS trong công tác quản lý, giáo dục học sinh.

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại lớp mình phụ trách.

6. Giáo viên phụ trách môn học

Triển khai, thực hiện giảng dạy môn học theo chỉ đạo của chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch cá nhân, phối hợp GVCN lớp xây dựng thời khóa biểu..

Phối hợp với GVCN, tổng phụ trách đội tổ chức, triển khai các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa...

Thực hiện và chấp hành nghiêm túc quy chế chuyên môn. Đổi mới phương pháp dạy học. Phối kết hợp chặt chẽ với GVCN trong công tác quản lý, giáo dục học sinh....

Kịp thời tham mưu, báo cáo những vướng mắc bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại các lớp mình giảng dạy bộ môn.

7. Nhân viên

Xây dựng kế hoạch cá nhân, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của bản thân theo sự phân công của Hiệu trưởng; chấp hành nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc của nhà trường...

Phối kết hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân trong nhà trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2022 - 2023 của trường tiểu học Tân Đồng. Kế hoạch này đã được tập thể CB-GV-NV nhà trường đóng góp ý kiến, chỉnh sửa và đi đến thống nhất cao trước khi ban hành. Đây là cơ sở để Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, đoàn thể xây dựng kế hoạch chi tiết, khả thi, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2022-2023. Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các bộ phận, cá nhân chủ động báo cáo Hiệu trưởng để được hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- BGH nhà trường;
- Website:trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Mai

PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ

Kế hoạch này đã được thông qua Phòng GD&ĐT ngày 6/10/2022.

